

Bản án số: 515/2022/HS-PT
Ngày 08 – 8 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 274/2021/TLPT-HS ngày 6 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Thanh B1 và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Bá T - Sinh năm: 1981, tại Cà Mau. Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trương Văn T và bà Thái Kim M, vợ Trịnh Thị Lệ N, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 21/8/2012, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người” (đã xóa án tích). Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Danh Đ - Sinh năm: 1989, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Danh N và bà Lý Thị G, vợ Danh Thị Mỹ H, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 14/6/2019 bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Cố ý gây thương tích”; nhân thân: Ngày

29/9/2010, bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã xóa án tích). Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Huỳnh Văn N (tên gọi khác: Trung) - Sinh năm: 1987, tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp B, xã L, Hện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Huỳnh Văn P và bà Đào Thị H, vợ Võ Cẩm H, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 31/12/2019, bị Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Cà Mau xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo ra đầu thú ngày 01/6/2020. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Trần Văn K - Sinh năm: 1998, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Văn D và bà Phạm Thị D; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 01/12/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 15/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong phần dân sự (đã xóa án tích). Bị cáo tại ngoại (vắng mặt).

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Trần Thanh B1 - Sinh năm: 1997, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Kinh 1A, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Ngọc B, vợ Huỳnh Thị M, có 01 người con sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 23/3/2017, bị Tòa án nhân dân Hện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo ra đầu thú ngày 07/10/2019 bị bắt tạm giữ, đến ngày 11/10/2019 cHết tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Trần Thanh T1 - Sinh năm: 1994, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Kinh 1A, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Ngọc B, vợ Huỳnh Thị Ngọc T, có 01 người con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo ra đầu thú ngày 02/10/2019 bị bắt tạm giữ, đến ngày 04/10/2019 cHết tạm giam cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Duy T3 (tên gọi khác: Bờm) - Sinh năm: 1999, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Duy B và bà Nguyễn Thị Q, vợ Nguyễn Thị Bé N, có 01 người con sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/3/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 26/4/2018 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 (có mặt).

4. Trần Chí L (tên gọi khác: Lân) - Sinh năm: 1998, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp K, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ T, vợ Phạm Thị Mỹ D; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 23/3/2017, bị Tòa án nhân dân Hện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 16/10/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành phần dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 (có mặt).

5. Phan Văn D - Sinh năm: 1999, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã B, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phan Văn C và bà Danh Thị P, vợ Lý Thị Tường N; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 cho đến nay (có mặt).

6. Trương Gia T2 - Sinh năm: 1997, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trương Minh S và bà Lê Thị T, vợ Võ Thị Thu T; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 20/5/2016, bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 25/10/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành phần dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 (có mặt).

7. Mai Văn O - Sinh năm: 2000, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Mai Văn T1 và bà Trương Thị Kim H, vợ Mai Thị Cẩm T, có 01 người con sinh năm 2019; tiền sự: Ngày 12/8/2018, bị Công an Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.250.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, đã nộp phạt vào ngày 04/6/2020; tiền án: Ngày 31/8/2017, bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 26/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong phần dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 (có mặt).

8. Châu Minh T4 - Sinh năm: 2000, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Bời Lồi B, xã B, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Châu Văn A và bà Dương Thị V; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến ngày 15/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành phần dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/10/2019 (có mặt).

9. Danh N3 - Sinh năm: 1997, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Danh B và bà Thị L; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 13/6/2017 bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; đến ngày 26/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành phần dân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 (có mặt).

- Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

Huỳnh Hoàng H - Sinh ngày: 20/02/2002, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Huỳnh Phước A và bà Nguyễn Thúy K; tiền sự: Không; tiền án: Không (không triệu tập).

- Các bị cáo rút kháng cáo trước khi xét xử và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Phạm Hoài N4 (tên gọi khác: Chó con) - Sinh năm: 2000, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm Thái H và bà Danh Thị Hồng T; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2019 cho đến ngày 11/10/2019 ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (không triệu tập).

2. Bùi Thuận P - Sinh năm: 2000, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã V, Hện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Bùi Văn N và bà Đặng Thị Đ; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 04/8/2020 thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích”, Ngày 30/11/2020, bị Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” (không triệu tập).

- Những người bào chữa cho bị cáo Trương Bá T: Luật sư Lê Hoàng N – Công ty Luật Hợp danh Tạ Nguyệt Thanh (có mặt).

- Những người bị hại:

1. Ông Nguyễn Trọng T4 (Chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Trọng T4: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953 (cha ruột bị hại T4); Địa chỉ: Ấp T, xã Tân Hưng, Hện C, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trương Bá T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau (đồng thời cũng là bị cáo trong vụ án).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T5, sinh năm 1977 (bác ruột bị cáo B1, T1); Địa chỉ: Ấp K, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966 (bác ruột bị cáo B1, T1); Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1984 (anh ruột bị hại T4); Địa chỉ: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1998 (vợ bị cáo B1); Địa chỉ: Ấp K, xã T, Hện V, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T6, sinh năm 1996 (vợ bị cáo T1); Địa chỉ: Ấp Vĩnh Đông 2, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang.

6. Cháu Nguyễn Khôi V, sinh năm 2010 (vắng mặt);

- Người giám hộ của cháu V là: Bà Lê Thị Minh T7, sinh năm 1988 (Mẹ ruột cháu V) (là vợ bị hại T4 đã ly hôn); Địa chỉ: Số nhà 05, ấp T, xã T, Huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

(Trong vụ án này các bị cáo Huỳnh Hoàng H, Phạm Hoài N4 và Bùi Thuận P; người đại diện của bị hại Nguyễn Trọng T4; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T5, ông Trần Văn C, ông Nguyễn Văn T5, bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Thị Ngọc T6 không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ, ngày 02/10/2019, Trương Bá T; Nguyễn Trọng T4; Mai Ngọc T1; Nguyễn Quốc Dũng; Huỳnh Văn N, tổ chức uống bia và hát karaoke tại quán New Way, thuộc khu phố V, thị trấn V, Hện V, tỉnh Kiên Giang, trong lúc nhậu có kêu một số tiếp viên nữ rót bia và bắt bài hát (trong đó có Nguyễn Thị Ngọc Thùy), trong lúc nhậu T và Thùy xảy ra mâu thuẫn, T dùng tay đánh vào mặt Thùy một cái và đuổi Thùy ra khỏi phòng, khi ra ngoài Thùy điện thoại kể việc mình bị đánh cho Trần Thanh B1 biết, nghe xong điện thoại của Thùy, B1 gọi điện thoại cho Danh N3 hẹn gặp ở quán New Way để giải quyết, nên N3 điện thoại cho Trần Chí L đến quán. Khi đến quán New Way thì gặp Nguyễn Trọng T4 đang đứng trước quầy, N3 hỏi Tính lý do tại sao đánh Thùy, thì xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, Tính thách thức “Tụi mày có bao nhiêu số kéo lên hết đây tao đợi, đợi tới chiều, tới tối cũng được, tụi mày nhóc ếc ả”, lúc này anh L chủ quán New Way ra kHên can, N3, L bỏ đi đến quán bi da 666 ở cặp bên quán New Way đợi B1, Tính tiếp tục vô phòng nhậu tiếp.

Khi đến quán bi da 666, Trần chí L điện thoại kêu Trần Văn K đến, một lúc sau Phan Văn D; Nguyên Duy T3; Trương Gia T2; Châu Minh T4; Mai Văn O; Trần Văn K; Bùi Thuận P và Huỳnh Hoàng H đi đến tụ tập tại quán bi da 666, lúc này N3 kể sự việc cho D nghe, nghe xong D quay sang hỏi T3 có mang theo đồ (là gậy ba khúc và B1 xịt hơi cay) không, T3 trả lời không có, nên D, T3 đi vào trong quán bi da 666, mỗi người lấy một khúc cây đuôi cơ đánh bi da, đem ra giấu ở bụi cây trước quán bi da 666, để làm hung khí đánh nhau. Lúc này nhìn thấy B1 và Phạm Hoài N4 đến quán New Way nên D; T3; T2; T4; L; N3; O; K; P đi đến quán New Way, B1 đi vào trong quán hỏi anh L ai đánh Thùy, kêu ra nói cHện, anh L kêu B1 ra trước quán đợi, anh L lên phòng kêu khách xuống gặp B1, một lúc sau T, T4 và 02 người bạn đi xuống trước cửa quán không nói gì, lấy vỏ chai bia thủy tinh ném, rượt đuổi nhóm của B1 chạy ra đường lộ (quốc lộ 63) về hai bên trái và phải của quán New Way, bị nhóm của T dùng chai bia ném, nên nhóm của B1 cũng dùng gạch ống, đá. chai bia bằng thủy tinh, chai nước ngọt bằng thủy tinh làm hung khí ném lại nhóm của T. Trong lúc đánh nhau T, T4 cầm vỏ chai bia bằng thủy tinh đã đập bể phần đáy, còn lại phần cổ chai sắc nhọn rượt đuổi nhóm của N3 chạy về hướng chợ V, bị rượt đuổi nhóm của N3 dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh, vỏ chai nước ngọt bằng

thủy tinh, gạch ống, đá, cây, cây cơ đánh bi da và dao (L cầm khúc cây đuôi cơ bi da và vỏ chai bia, T4 cầm khúc cây đuôi cơ bi da, đá, Ôn cầm vỏ chai bia, khúc cây trầm, N dùng vỏ chai bia, cây cơ bi da, T2 dùng đá, chia nước ngọt và mỗ lếch, T3 cầm đá 4cm x 6cm, khúc cây đuôi cơ bi da, D cầm khúc cây đuôi cơ bia da, N3 chạy về nhà trọ lấy dao mang đến và dùng chai bia, gạch, đá và dao tự chế), ném, rượt đuổi đánh lại nhóm của T, T4, hai nhóm rượt đuổi nhau qua lại nhiều lần trên tuyến quốc lộ 63 gây mất trật tự, trị an nơi công cộng. Trong lúc đánh nhau B1 điện thoại cho T3 hỏi mượn hung khí (dao tự chế), T3 trả lời đang ở cùng với nhóm của N3, B1 nhìn về hướng của N3 thì thấy T3, nên B1 tiếp tục điện thoại cho T1 và hỏi T1 có mang theo hung khí (dao tự chế) không và nói cho T1 biết đang đánh nhau ở quán New Way và kêu T1 chạy lên đánh tiếp, lúc này K, P, H dùng gạch ống, đá, vỏ chai bia bằng thủy tinh ném nhóm của T, T4 và N đang đứng ở trước quán New way, nên N lấy kết đọng vỏ chai bia bằng thủy tinh để trên vỉa hè và lấy vỏ bia bằng thủy tinh ném về nhóm của B1; K, P và H dùng gạch, đá, vỏ chai bia ném qua lại với nhóm của T, T4 và N. Lúc này Danh Đ chạy xe ngang qua, nhìn thấy hai bên đánh nhau nên Đ dừng xe lại đi vào bụi cây gần quán Mỹ Dạ 2, lấy 02 cây dao tự chế đã cất giấu từ trước ra làm hung khí, thấy Đ có cầm dao, nên B1, K đi lại lấy mỗi người một cây làm hung khí, Đ tiếp tục cầm khúc cây gỗ cùng với P cầm chai thủy tinh và H cầm khúc cây dài khoảng 01 mét rượt đuổi đánh nhóm của T, khoảng 05 phút sau T1 chạy xe từ hướng chợ V lên quán New Way thì T1 nhìn thấy T, T4 và N đang rượt đuổi nhóm của N3, T1 liền dừng xe bên lề đường bên phải, T1 mở cốp xe lấy dao xông vào cùng với T3; L, Ôn, T2, T4, N3 cầm hung khí là khúc đuôi cơ bi da, dao, mỗ lếch và kết nhựa đựng chai bia đánh nhóm của T, T4, N, trong lúc đánh nhau T1 dùng tay phải cầm dao chém mạnh từ trên xuống xuống đầu, bị chém T giơ tay trái lên đỡ bị đứt lìa tay trái, T1 tiếp tục chém T4 một nhát trúng vào vùng ngực chết tại chỗ.

Sau khi gây án xong tất cả chạy bỏ trốn, đến khoảng 23 giờ cùng ngày, B1 gọi điện thoại kêu N3, L, T3, T4, T2, D, Ôn, N, K. Tập trung lại nhà Danh Hà ở cầu Kinh 500, tại đây B1, N, K mở điện thoại cho tất cả xem đoạn Clip được đăng tải trên mạng xã hội về cảnh đánh nhau. Sau khi xem xong, B1 nói “khúc của tụi mày không thằng nào trốn khỏi đâu vì camera đã quay hết rồi, thằng nào tham gia như thế nào thì Ki báo như vậy, còn khúc tao trên này khi nào bị mời thì tao trả lời, nếu công an có hỏi thì nói đến quán bi da để chơi chứ không phải đến để tham gia đánh nhau, khi bị chơi thì mới tham gia đánh nhau”, mục đích để những người trong nhóm không Ki về việc B1 có tham gia đánh nhau, nhưng sau đó T1, B1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Kiên Giang đầu thú.

** Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 599/KL-KTHS, ngày 01/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận đối với: Nguyễn Trọng T4; Sinh năm: 1986, HKTT: ấp T, xã Tân Hưng, Hện C, tỉnh Cà Mau, như sau:*

1. Các kết quả chính:

- Vết thương từ mặt trước vai trái đến vùng thượng vị, kích thước 34cm x 9cm, bờ mép sắc gọn, sâu thẳng vào khoang ngực trái.

- Vết thương vùng hạ vị cách rốn 5cm, kích thước 7,5cm x 1,4cm, bờ mép sắc gọn, sâu đến lớp cơ.

- Vết thương mặt lưng bàn tay trái, kích thước 11cm x 4,5cm, bờ mép sắc gọn, đưa lìa các xương đốt bàn đến lớp da mặt lòng bàn tay trái.

- Đứt lìa cung trước các xương sườn số 4 đến sụn sườn số 7 bên trái.

- Khoang màng phổi trái có khoảng 500ml máu loãng và 200gam máu cục.

- Đứt thùy dưới phổi trái dài 5cm.

- Đứt màng bao tim dài 9cm.

- Đứt mặt trước cơ tim vùng tâm thất hai bên dài 9cm, sâu đến buồng tim.

2. Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do vết thương ngực hở gây đứt tim và phổi.

** Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 225KL-PY, ngày 07/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của Trương Bá T, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đứt lìa 1/3 giữa cẳng tay trái, đã được phẫu thuật nối phần đứt lìa (gân cơ thần kinh, mạch máu) và kết hợp xương (xương trụ và xương quay). Hiện tại, còn dụng cụ kết hợp xương chưa liền, ngón chi, tổn thương hoàn toàn các dây thần kinh trụ, thần kinh giữa, thần kinh quay và còn hạn chế chức năng vận động cẳng tay và bàn tay trái nhiều.

- Sẹo mền xơ cứng cẳng tay trái (03 vết).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 52% (Năm mươi hai phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

** Vật chứng trong vụ án thu giữ được: 01 (một) khúc gỗ hình tròn, có chiều dài 100cm, đường kính 3,5cm, trong đó một đầu khúc gỗ bị gãy xước kích thước 37cm; 01(một) cây mồi lết bằng kim loại màu trắng loại FORGER STEEL-10-250mm; 01 (một) cái áo làm bằng vải, màu xanh, loại áo sơ mi tay dài, trên cổ áo có nhiều vết máu khô; 01 (một) cái quần tây làm bằng vải. màu xanh, loại quần jean, trên quần có nhiều vết máu khô; 01 (một) cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng, chiều dài 47cm, phần cán bằng gỗ màu đỏ nâu dài 12cm. lưỡi bằng kim loại màu trắng trong đó một cạnh dao sắc bén, một cạnh hình răng cưa, mũi nhọn, trên mặt lưỡi dao có chữ DESIGMY4288USA có hình con cá sấu nằm ngang, trên lưỡi dao có một cái lỗ hình thoi, trên lưỡi dao có dính nhiều vết màu nâu (nghỉ là máu) được niêm phong trong giấy A4 màu trắng có chữ ký của điều tra viên Nguyễn Hải Đăng. Lê Vũ L và Nguyễn Văn Dược là người chứng kiến, phía ngoài được dán bằng băng keo màu trắng; 01 (một) cục đá không rõ hình dạng, kích thước 13cm x 10cm trên cục đá có dính máu; 01 (một) đôi dép màu xanh, vàng dài 28,5cm, rộng 1,5cm, trên chiếc dép có chữ “GAMBOL”, cả hai chiếc dép đều có dính máu; 01 (một) cây dao cán bằng*

nhựa dài 12,7cm, nơi rộng nhất 4cm màu trắng, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm, nơi rộng nhất 5,3cm, có một cạnh sắc và một đầu nhọn, trên lưỡi dao có chữ “Nhur-100%”; 01(một) cái nón bằng vải màu Đ, trên nón có chữ “Lacoste”; 13 (mười ba) vỏ chai bia, gồm 06 (sáu) vỏ chai nhãn hiệu “Tiger”, màu trắng, 06 (sáu) chai nhãn hiệu “Tiger” màu nâu, 01 (một) chai nhãn hiệu “Sài Gòn” màu xanh; 01 (một) đoạn gỗ kích thước 8cm x 1,5cm, dài 60,6cm, một đầu có vết gãy; 01 (một) cái áo sơ mi dài tay màu trắng sọc Đ, đã được nhập kho vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 01. Ngày 22/11/2019 của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh Kiên Giang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đã tuyên xử:

* Tuyên bố: Các bị cáo Trương Bá T; Trần Văn K; Bùi Thuận P; Danh Đ; Phạm Hoài N4 (Chó con) và Huỳnh Văn N đều phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoài N4 (tên gọi khác: Chó con) – 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến ngày 11/10/2019.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K – 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thuận P – 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù của Bản án số 30/2020/HSST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang về tội “*Cố ý gây thương tích*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Trương Bá T – 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 5 Điều 65 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Danh Đ – 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo của Bản án sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án 05 (năm) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn N – 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 590, Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Thanh B1, Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại T4 là ông Nguyễn Văn C tiền tổn thất tinh thần 75.000.000 đồng, tiền mai táng phí 170.000.000 đồng; bồi thường cho cháu Nguyễn Khôi V 75.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, trợ cấp nuôi cháu V 20.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Trương Bá T chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí hợp lý khác 500.000.000 đồng. Tổng cộng là 800.000.000 đồng. (Các bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T5 (là người hiện đang quản lý số tiền 75.000.000 đồng tổn thất tinh thần và 20.000.000 đồng tiền trợ cấp của cháu Nguyễn Khôi V; tổng cộng là 95.000.000 đồng; giao lại số tiền 95.000.000 (Chín mươi lăm triệu) đồng này cho bà Lê Thị Minh T7 (mẹ ruột cháu V, là người giám hộ cho cháu Nguyễn Khôi V) quản lý số tiền này.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O bồi thường thêm tiền trợ cấp cho ông Nguyễn Văn C là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. (Trong đó, bị cáo Trần Chí L là 8.000.000 đồng, các bị cáo Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O mỗi bị cáo là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T1; Trần Thanh B1; Trần Chí L (Lên); Nguyễn Duy T3 (Bò); Mai Văn O; Phan Văn D; Trương Gia T2; Danh N3 và Châu Minh T4 (phạm tội “Giết người” theo quy định tại các điểm a và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); bị cáo Huỳnh Hoàng H; Phạm Hoài N4 và Bùi Thuận P (phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 7/4/2021, người giám hộ của cháu Nguyễn Khôi V (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) là bà Lê Thị Minh T7 kháng cáo yêu cầu buộc các bị cáo Trần Thanh T1; Trần Thanh B1; Trần Chí L (Lên); Nguyễn Duy T3 (Bòm); Mai Văn O; Phan Văn D; Trương Gia T2; Danh N3 và Châu Minh T4 phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khôi V đến tuổi trưởng thành.

Trong ngày 10/4/2021 và ngày 13/4/2021 các bị cáo kháng cáo như sau:

- Bị cáo Trương Bá T kháng cáo xin hưởng án treo.
- Bị cáo Huỳnh Văn N kháng cáo xin hưởng án treo.
- Bị cáo Danh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo Trần Văn K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo Bùi Thuận P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Bị cáo Phạm Hoài N4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đến ngày 14/3/2022, các bị cáo Phạm Hoài N4 và Bùi Thuận P đã có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có T4 báo số 15/2022/TB-TA ngày 25/4/2022 về việc rút kháng cáo của các bị cáo. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm 03/2021/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Phạm Hoài N4 và Bùi Thuận P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn K vắng mặt do bị bắt tạm giam trong vụ án khác.

Bị cáo Danh Đ rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Các bị cáo Trương Bá T, Huỳnh Văn N và người giám hộ của cháu Nguyễn Khôi V (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) là bà Lê Thị Minh T7 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh P biểu quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thanh T1; Trần Thanh B1; Trần Chí L (Lên); Nguyễn Duy T3 (Bòm); Mai Văn O; Phan Văn D; Trương Gia T2; Danh N3 và Châu Minh T4 phạm tội “Giết người” và các bị cáo Trương Bá T; Trần Văn K; Bùi Thuận P; Huỳnh Hoàng H; Danh Đ; Phạm Hoài N4 (Chó con) và Huỳnh Văn N đều phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Hoài N4 và Bùi Thuận P có kháng cáo nhưng đã có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo N và P. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn K vắng mặt, bị cáo Danh Đ rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo K và đình chỉ xét xử đối với bị cáo Danh Đ.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K, Huỳnh Văn N. Xét thấy mức hình phạt của các bị cáo mà cấp sơ thẩm đã xét xử là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết nào mới. Do đó đề nghị bác kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bà Lê Thị Minh T7 yêu cầu buộc các bị cáo phạm tội “Giết người” phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khôi V đến tuổi trưởng thành. Xét thấy yêu cầu này của bà T7 là có căn cứ. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T7. Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Thanh B1, Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O phải bồi thường trợ cấp nuôi cháu Nguyễn Khôi V theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của các bị cáo Trương Bá T, Huỳnh Văn N, Danh Đ, Trần Văn K và người giám hộ của cháu Nguyễn Khôi V là bà Lê Thị Minh T7 là đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa bị cáo Danh Đ rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, bị cáo Trần Văn K vắng mặt. Xét thấy, việc rút kháng cáo của bị cáo Danh Đ là hoàn toàn tự nguyện, bị cáo Trần Văn K không bị kháng cáo, kháng nghị tăng nặng hình phạt hay trách nhiệm dân sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt bị cáo Trần Văn K và đình chỉ xét xử đối với bị cáo Danh Đ.

[1] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội; phù hợp với hiện trường vật chứng vụ án, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong lúc ăn nhậu và ca hát vui chơi...cũng như không hài lòng cách phục vụ hay cách nói chuyện của nữ tiếp viên phục vụ trong phòng hát của các bị cáo dẫn đến bị cáo T có dùng tay tát vào mặt nữ tiếp viên Thùy, sau đó Thùy gọi điện thoại cho bị cáo B1 biết sự việc dẫn đến P sinh mâu thuẫn giữa hai nhóm. Các bị cáo sử dụng hung khí là dao tự chế, thanh kim loại bằng sắt, vỏ chai bia... là những hung khí rất sắc bén, nguy hiểm mang tính sát thương rất cao để tham gia đánh nhau. Hậu quả do bị cáo T1 dùng cây dao tự chế mang đến, chém bị cáo T một nhát làm đứt lìa 1/3 cánh tay trái và chém một nhát trúng vào vùng ngực bị hại T4, làm cho bị hại T4 chết ngay tại chỗ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 599/KL-KTHS, ngày 01/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận đối với Nguyễn Trọng T4: “*Nguyên nhân chết: Sốc mất máu cấp do vết thương ngực hở gây đứt tim và phổi...*”.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 225KL-PY, ngày 07/5/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích của Trương Bá T: “*...Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 52% (Năm mươi hai phần trăm)...*”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Trần Thanh T1; Trần Thanh B1; Trần Chí L; Nguyễn Duy T3; Mai Văn O; Phan Văn D; Trương Gia T2;

Danh N3 và Châu Minh T4 đều phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại các điểm a và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Trương Bá T; Trần Văn K; Bùi Thuận P; Huỳnh Hoàng H; Danh Đ; Phạm Hoài N4 và Huỳnh Văn N đều phạm “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K, và Huỳnh Văn N về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và của chị Lê Thị Minh T7, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe tính mạng của người khác. Các bị cáo không hề có mâu thuẫn gì với nhóm người bị hại nhưng khi được Trần Thanh B1 nhờ đến quán New Way giải quyết khi bạn gái của bị cáo B1 có mâu thuẫn với khách. Lẽ ra khi đã được chủ quán là anh Châu Văn Lập can ngăn, các bị cáo phải dừng lại và tìm cách hòa giải, nhưng các bị cáo không thực hiện mà rủ rê nhau tụ tập bên cạnh quán New Way chuẩn bị hung khí, tập hợp đồng bọn tham gia đánh nhau gây hỗn loạn đường phố, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo trong nhóm gây rối trật tự công cộng đã trực tiếp xâm phạm đến quy tắc sống lành mạnh, nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Bùi Thuận P là người đang có tiền án; các bị cáo Trần Văn K, Trương Bá T mặc dù đã được xóa án tích nhưng là những người có nhân thân xấu. Do đó mức án mà tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là phù hợp, không nặng, vì thế đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Minh T7, yêu cầu buộc các bị cáo đã gây ra cái chết cho bị hại Nguyễn Trọng Tín gồm: các bị cáo Trần Thanh T1; Trần Thanh B1; Trần Chí L (Lên); Nguyễn Duy T3 (Bờm); Mai Văn O; Phan Văn D; Trương Gia T2; Danh N3 và Châu Minh T4 phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khôi V đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa bị hại và mẹ cháu V, theo đó thỏa thuận chị T7 là người nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, từ đó cho rằng trách nhiệm nuôi dưỡng thuộc về chị T7 nên không chấp nhận yêu cầu các bị cáo thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thay người bị hại là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì theo quy định tại Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải

quyết theo quy định tại các Điều 81, 82 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó kháng cáo của chị Lê Thị Minh T7 yêu cầu các bị cáo Trần Thanh B1, Trần Thanh T1, Trần Chí L, Nguyễn Duy T3, Mai Văn O, Phạm Văn D, Trương Gia T2, Danh N3, Châu Minh T4 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Khôi V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là 09 năm, phương thức cấp dưỡng một lần là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa nghĩa vụ bồi thường. Đối với nhóm tội giết người các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm nên các bị cáo phải chịu nghĩa vụ theo mức độ lỗi và theo phần tương ứng. Nguyên nhân dẫn đến anh Nguyễn Trọng T4 tử vong là do hành vi trực tiếp dùng dao chém của bị cáo Trần Thanh T1 nên bị cáo T1 phải chịu 50% mức cấp dưỡng, các bị cáo còn lại liên đới chịu 50% còn lại. Tổng số tiền các bị cáo phải cấp dưỡng là trong 09 năm là $108 \text{ tháng} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 216.000.000 \text{ đồng}$. Các bị cáo đã bồi thường được số tiền trợ cấp nuôi cháu V tại cấp sơ thẩm là 20.000.000 đồng, do đó số tiền cấp dưỡng còn lại các bị cáo trong nhóm tội giết người còn phải bồi thường là 196.000.000 đồng. Trong đó bị cáo Trần Thanh T1 phải chịu 98.000.000 đồng, các bị cáo còn lại mỗi bị cáo phải chịu 12.250.000 đồng.

Trong vụ án lẽ ra phải xác định cháu Nguyễn Khôi V là đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Trọng T4 do chị Lê Thị Minh T7 làm giám hộ mới đúng trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng. Đồng thời hành vi của bị cáo Trần Thanh T1 gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội với 02 người, mang tính côn đồ nhưng mức án mà tòa sơ thẩm tuyên phạt 13 năm tù là không tương xứng. Tuy nhiên do không có kháng cáo, kháng nghị về hình phạt và do giới hạn của phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, nhưng kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K và Huỳnh Văn N phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Thanh B1, Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy, Châu Minh T4, Trương Gia T2 và Mai Văn O phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo Danh Đ.

[2] Không chấp kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K và Huỳnh Văn N.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần hình sự đối với các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K và Huỳnh Văn N.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K, Danh Đ và Huỳnh Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn K – 02 (hai) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Bá T – 01 (một) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn N – 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

[3] Chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Minh T7 là giám hộ cho cháu Nguyễn Khôi V. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về phần dân sự như sau:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 590, Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Thanh B1, Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại T4 là ông Nguyễn Văn C tiền tổn thất tinh thần 75.000.000 đồng, tiền mai táng phí 170.000.000 đồng; bồi thường cho cháu Nguyễn Khôi V 75.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần.

Bồi thường cho bị hại Trương Bá T chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí hợp lý khác 500.000.000 đồng. Tổng cộng là 800.000.000 đồng. (Các bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T5 (là người hiện đang quản lý số tiền 75.000.000 đồng tổn thất tinh thần và 20.000.000 đồng tiền trợ cấp của cháu Nguyễn Khôi V; tổng cộng là 95.000.000 đồng; giao lại số tiền 95.000.000 (Chín mươi lăm triệu) đồng này cho bà Lê Thị Minh T7 (mẹ ruột cháu V, là người giám hộ cho cháu Nguyễn Khôi V) quản lý số tiền này.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O bồi thường thêm tiền trợ cấp cho ông Nguyễn Văn C là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. (Trong đó, bị cáo Trần Chí L là 8.000.000 đồng, các bị cáo Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O mỗi bị cáo là 7.000.000 đồng).

- Buộc các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Thanh B1, Trần Chí L, Phan Văn D, Danh N3, Nguyễn Duy T3, Châu Minh T4, Trương Gia T2, Mai Văn O bồi thường số tiền 196.000.000 đồng trợ cấp nuôi cháu Nguyễn Khôi V do chị Lê Thị Minh T7 làm giám hộ, theo phần tương ứng như sau:

Bị cáo Trần Thanh T1 bồi thường số tiền 98.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Thanh B1 bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Trần Chí L bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Phan Văn D bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Danh N3 bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy T3 bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Châu Minh T4 bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Trương Gia T2 bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Bị cáo Mai Văn O bồi thường số tiền 12.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Bá T, Trần Văn K và Huỳnh Văn N phải chịu mỗi người 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị cáo Trần Thanh T1 phải chịu 4.900.000 đồng.

Bị cáo Trần Thanh B1 phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Trần Chí L phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Phan Văn D phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Danh N3 phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Châu Minh T4 phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Trương Gia T2 phải chịu 612.000 đồng.

Bị cáo Mai Văn O phải chịu 612.000 đồng.

[8] Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kiên Giang (10);
- Bị cáo (16);
- NLQ (1);
- Lưu (6). HS (2). 42b (Án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long